

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2023
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	7 – 42
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính là:

- Kinh doanh các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Kinh doanh các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Kinh doanh bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Kinh doanh các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Kinh doanh các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Kinh doanh dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1.200mm², điện áp đến 500KV;
- Kinh doanh cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vện xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Kinh doanh dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Kinh doanh các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Kinh doanh dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Việt Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/7/2023
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT



Mẫn Ngọc Anh

Số: 50.2/2023/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2023, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

Trụ sở chính

54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903 toà 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info.hn@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

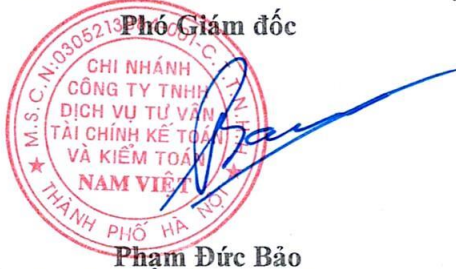
Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Thuyết minh số V.10 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm tài chính kết thúc ngày 31/3/2022, Công ty đã nhận vốn góp bằng tài sản là quyền sử dụng đất tại số 206, 208 đường Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của ông Mẫn Ngọc Anh với số tiền 887.800.000.000 đồng xác định theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 20/01/2022 giữa Công ty và bên góp vốn. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với lô đất nêu trên sang tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Các tài sản này hiện đang được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại các tổ chức tín dụng.
- Thuyết minh số V.06 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, giá trị quyền sử dụng đất của lô đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê diện tích 100.420 m² tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh với giá trị là 600.000.000.000 đồng được hình thành từ khoản góp vốn của cổ đông (Công ty Tân Hồng Ngọc – (TNHH)). Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với lô đất nêu trên sang tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Các tài sản này hiện đang được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại các tổ chức tín dụng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2023

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Phạm Đức Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5308-2020-152-1

Kiểm toán viên



Đinh Hữu Anh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5717-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.352.619.946.541	2.280.089.357.829
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.127.344.496	19.858.098.036
1.	Tiền	111	V.01	7.127.344.496	19.858.098.036
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		842.808.556.959	867.485.468.330
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	152.669.561.516	177.391.409.505
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	366.165.324.979	619.337.609.726
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	323.973.670.464	70.756.449.099
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	1.498.838.487.905	1.388.413.491.825
1.	Hàng tồn kho	141		1.498.838.487.905	1.388.413.491.825
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.845.557.181	4.332.299.638
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	920.361.015	842.097.098
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		941.753.870	1.984.606.818
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.983.442.296	1.505.595.722
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKAKhu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.192.197.261.400	5.796.331.938.288
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		808.541.888.671	831.380.708.703
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	625.623.132.320	647.884.143.873
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	121.935.822.961	121.932.822.961
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	60.982.933.390	61.563.741.869
II.	Tài sản cố định	220		921.075.254.272	931.459.013.238
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	25.333.795.825	28.986.827.259
	- Nguyên giá	222		85.526.915.762	80.565.419.521
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.193.119.937)	(51.578.592.262)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	7.101.939.025	13.803.575.497
	- Nguyên giá	225		33.508.181.819	43.869.778.062
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.406.242.794)	(30.066.202.565)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	888.639.519.422	888.668.610.482
	- Nguyên giá	228		889.263.337.543	889.263.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(623.818.121)	(594.727.061)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.11	32.257.007.508	32.494.327.068
	- Nguyên giá	231		34.248.178.718	34.248.178.718
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.991.171.210)	(1.753.851.650)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	3.215.037.277.712	2.892.061.553.153
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.866.593.936.186	2.536.620.098.645
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		348.443.341.526	355.441.454.508
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.212.843.894.780	1.105.606.485.137
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.027.031.058.563	919.793.648.920
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.301.000.000	36.301.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		149.511.836.217	149.511.836.217
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.441.938.457	3.329.850.989
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.441.938.457	3.329.850.989
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.544.817.207.941	8.076.421.296.117

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKAKhu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.720.148.479.828	3.321.361.501.245
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.374.443.732.369	1.088.908.099.755
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	273.539.958.532	210.142.278.384
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	88.551.073.855	50.409.166.615
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.400.841.870	1.631.742.623
4.	Phải trả người lao động	314		2.743.109.067	1.846.616.773
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	16.417.803.351	34.020.606.370
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	107.249.173.752	19.855.527.636
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	883.541.771.942	771.002.161.354
II.	Nợ dài hạn	330		2.345.704.747.459	2.232.453.401.490
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	5.896.920.674	5.896.920.674
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15	265.076.943.378	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17	111.909.016.678	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	-	92.908.019.086
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.18	6.020.000.000	385.859.517.462
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	1.912.487.773.764	1.730.191.068.967
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		44.314.092.965	17.597.875.301
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.824.668.728.113	4.755.059.794.872
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	4.824.668.728.113	4.755.059.794.872
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.686.800.000.000	4.686.800.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.686.800.000.000	4.686.800.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		137.868.728.113	68.259.794.872
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		68.259.794.872	45.078.502.890
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		69.608.933.241	23.181.291.982
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.544.817.207.941	8.076.421.296.117

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT






Vũ Thị Kim Phượng

Trần Thị Thanh Huyền

Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.430.086.770.558	1.355.501.827.676
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.430.086.770.558	1.355.501.827.676
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.208.125.563.972	1.259.124.009.886
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		221.961.206.586	96.377.817.790
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	389.185.097	28.811.414.954
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	69.721.042.432	36.481.246.245
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>64.345.800.061</i>	<i>36.297.589.050</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	21.305.867.239	23.659.986.943
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	33.112.930.876	31.976.708.199
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.210.551.136	33.071.291.357
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	1.740.580.471	19.057.629
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1.543.979.461	938.528.159
13.	Lợi nhuận khác	40		196.601.010	(919.470.530)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.407.152.146	32.151.820.827
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.082.001.241	(398.526.455)
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	26.716.217.664	9.369.055.300
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		69.608.933.241	23.181.291.982

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Chủ tịch HĐQT




Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		98.407.152.146	32.151.820.827
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		10.788.478.526	12.579.345.710
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		711.501.948	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(62.912.282)	(28.425.299.590)
-	Chi phí lãi vay	06		64.345.800.061	36.297.589.050
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		174.190.020.399	52.603.455.997
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.928.124.906	149.098.913.664
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(110.424.996.080)	(954.065.811.070)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		92.579.553.421	(266.026.784.657)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		809.648.615	312.217.349
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(85.860.800.260)	(132.006.638.245)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.363.430.175)	(2.575.121.724)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.858.120.826	(1.152.659.768.686)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(395.810.156.343)	(18.412.220.802)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.716.898.749)	(79.384.865.349)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.638.769.041	10.849.442.831
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(401.888.286.051)	(86.947.643.320)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKAKhu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	400.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.097.722.827.901	1.842.610.250.037
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(805.415.487.516)	(993.180.209.071)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.928.700)	(13.271.100)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		292.299.411.685	1.249.416.769.866
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12.730.753.540)	9.809.357.860
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.858.098.036	10.048.740.176
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.127.344.496	19.858.098.036

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT



Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2022 đến ngày 31 tháng 3 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính bao gồm:

- Kinh doanh các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Kinh doanh các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Kinh doanh bán thành phẩm máy biến áp: Xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Kinh doanh các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Kinh doanh các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Kinh doanh dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Kinh doanh cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vụn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Kinh doanh dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Kinh doanh các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Kinh doanh dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê tài sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty ghi nhận một phần doanh thu từ dự án cho thuê đất tại cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá, đem lại lợi nhuận lớn trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Trung tâm Thương mại Hồng Công – Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	Phố Mới, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn thực góp tại 31/3/2023
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	Khu Công nghiệp Hanaka, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100,00%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN	Lô 44, đường số 8, Khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	84,97%
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Khu Công nghiệp Hanaka, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100,00%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 - 500KV Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	92,20%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	Tòa nhà Trung tâm thương mại Hồng Công, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100,00%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn thực góp tại 31/3/2023
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100,00%
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Đường số 9, Khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	22,14%
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tu. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

07. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất 50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***Chi phí bán hàng***

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	326.962.922	1.224.978.679
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.800.381.574	18.633.119.357
Cộng	<u>7.127.344.496</u>	<u>19.858.098.036</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trưng Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
02. Các khoản đầu tư tài chính				
- Đầu tư vào công ty con	1.027.031.058.563		919.793.648.920	
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 - 500KV Hanaka	708.488.174.905	(*)	681.822.521.308	(*)
+ Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	108.800.000.000	(*)	108.800.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN (i)	90.768.700.992	(*)	10.394.676.498	(*)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	974.182.666	(*)	971.182.666	(*)
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	118.000.000.000	(*)	117.805.268.448	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	36.301.000.000		36.301.000.000	
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	400.000.000	(*)	400.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	35.875.000.000	(*)	35.875.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	26.000.000	(*)	26.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	149.511.836.217		149.511.836.217	
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea	134.521.795.858	(*)	134.521.795.858	(*)
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện	205.489.844	(*)	205.489.844	(*)
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	448.802.603	(*)	448.802.603	(*)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Te Be A SVN	13.530.989.912	(*)	13.530.989.912	(*)
+ Công ty Cổ phần Bao bì Hanaka	804.758.000	(*)	804.758.000	(*)
Cộng	1.212.843.894.780		1.105.606.485.137	

(*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

(i): Trong năm, Công ty góp vốn bằng tài sản và công nợ vào Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN, cụ thể góp bằng giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Khu công nghiệp Tam Phước số tiền 76.797.268.382 đồng và góp bằng công nợ trả trước số tiền 3.576.756.112 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn đầu tư	107.237.409.643	80.407.876.145
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN	80.374.024.494	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	194.731.552	46.884.187.000
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 – 500KV Hanaka	26.665.653.597	33.523.689.145
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Lands	3.000.000	-
Doanh thu bán hàng	19.485.880.657	8.410.785.914
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	-	1.016.499.083
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 – 500KV Hanaka	19.481.768.657	7.390.842.831
+ Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	4.112.000	3.444.000
Giá trị xây dựng	-	53.577.973.880
+ Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	-	53.577.973.880

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	152.669.561.516	177.391.409.505
- Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 - 500 kV Hanaka	36.263.518.961	14.882.263.438
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	1.614.668.179	39.940.017.030
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	33.977.953.593	-
- Ban QLDA điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.651.552.506	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	-	25.415.464.870
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	14.050.103.100	16.214.259.749
- Công ty Điện lực Bắc Giang	10.130.230.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	44.981.535.177	80.939.404.418
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	625.623.132.320	647.884.143.873
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông	368.324.597.799	390.585.609.352
- Bà Nguyễn Thị Minh Phương	108.696.002.598	108.696.002.598
- Ông Mẫn Ngọc Hồng Đức	108.496.002.598	108.496.002.598
- Ông Đặng Quốc Mỹ	40.106.529.325	40.106.529.325
Cộng	778.292.693.836	825.275.553.378

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	71.361.731.554	16.002.522.438
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	33.977.953.593	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải 220 – 500 kV Hanaka	36.263.518.961	14.882.263.438
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	1.120.259.000	1.120.259.000
Cộng	71.361.731.554	16.002.522.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	366.165.324.979	619.337.609.726
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	73.996.976.643	44.967.422.422
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	62.798.016.788	62.040.391.307
- Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH)	73.004.736.320	72.939.736.320
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Vinametal	27.656.378.262	-
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	31.341.700.800	-
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	-	47.339.842.841
- Trả trước cho người bán khác	97.367.516.166	392.050.216.836
b. Trả trước cho người bán dài hạn	121.935.822.961	121.932.822.961
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	97.105.969.000	97.105.969.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	24.829.853.961	24.826.853.961
Cộng	488.101.147.940	741.270.432.687

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	203.037.763.717	484.014.783.316
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	34.899.569.486	326.090.371.634
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay Hanaka SVN	-	3.576.755.112
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	73.996.976.643	44.967.422.422
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	31.341.700.800	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	62.798.016.788	62.040.391.307
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	-	47.339.842.841
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Land	1.500.000	-
Trả trước cho người bán dài hạn	121.935.822.961	121.932.822.961
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	97.105.969.000	97.105.969.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công nghiệp Hanaka	24.829.853.961	24.826.853.961
Cộng	324.973.586.678	605.947.606.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyễn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	323.973.670.464	-	70.756.449.099	-
- Tạm ứng	696.864.404	-	616.319.619	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.101.900	-	90.101.900	-
- Phải thu khác	323.186.704.160	-	70.050.027.580	-
+ Có tức, lợi nhuận được chia	-	-	17.575.856.759	-
+ Ông Mãn Ngọc Anh	-	-	3.346.086.079	-
+ Ông Mãn Ngọc Hồng Kông	-	-	4.910.230.200	-
+ Ông Nguyễn Văn Thạch	-	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Quế	5.250.000.000	-	4.674.000.000	-
+ Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	291.460.802.148	-	-	-
+ Ông Vũ Hoài Nam	12.685.000.000	-	12.685.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	13.790.902.012	-	26.858.854.542	-
b. Dài hạn	60.982.933.390	-	61.563.741.869	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	370.065.000	-	370.065.000	-
- Phải thu khác	60.612.868.390	-	61.193.676.869	-
+ Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	612.868.390	-	1.193.676.869	-
Cộng	384.956.603.854	-	132.320.190.968	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	225.764.832	-	204.971.832	-
- Nguyên liệu, vật liệu	22.697.636.287	-	66.985.613.892	-
- Công cụ, dụng cụ	1.287.209.086	-	1.119.457.062	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.446.637.875.017	-	1.282.263.189.473	-
- Thành phẩm	20.692.139.329	-	33.089.865.346	-
- Hàng hóa	7.297.863.354	-	4.750.394.220	-
Cộng	1.498.838.487.905	-	1.388.413.491.825	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*): Trong đó: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê có diện tích 100.420 m² tại xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh phát sinh tăng do nhận góp vốn từ Công ty Tân Hồng Ngọc – (TNHH) với số tiền 600.000.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa hoàn thành thủ tục chuyển quyền sử dụng lô đất trên sang Công ty.

Đơn vị tính: VND

07. Tài sản dở dang dài hạn**a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

- Cụm công nghiệp làng nghề Mãn Xá
- Khu Công nghiệp Gia Bình
- Trung tâm thương mại Hồng Kông (*)
- Các công trình khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2.866.593.936.186	2.536.620.098.645
344.618.915.373	309.364.884.335
1.146.338.969.138	943.411.205.126
1.310.062.074.989	1.219.126.933.054
65.573.976.686	64.717.076.130
2.866.593.936.186	2.536.620.098.645

(*): Theo quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về chủ trương đầu tư điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Hồng Kông và căn hộ để bán tại phường Đồng Ngàn, thị xã Từ Sơn, chủ đầu tư của dự án là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Giá trị quyền sử dụng đất Trung tâm thương mại Hồng Kông phát sinh tăng từ nhận vốn góp của cổ đông là 550.000.000.000 đồng. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đang được thể chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại các tổ chức tín dụng.

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm tài sản cố định
- Xây dựng cơ bản
- + Khu công nghiệp Tam Phước Biên Hòa Đồng Nai
- + Khu công nghiệp Hanaka
- + Trường Olympia, nhà thi đấu, bãi để xe, nhà văn hóa
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka
- + Chi phí xây dựng khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
348.443.341.526	355.441.454.508
3.388.938.653	3.275.028.655
345.054.402.873	352.166.425.853
-	71.259.113.972
182.792.910.200	216.968.162.772
76.151.243.100	478.500.000
52.738.971.287	45.067.471.020
33.371.278.286	18.393.178.089
348.443.341.526	355.441.454.508

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		38.983.167.403	17.128.374.361	22.511.223.584	1.942.654.173	80.565.419.521
- Mua trong năm		-	43.400.000	-	124.000.000	167.400.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-	4.794.096.241	5.567.500.002	-	10.361.596.243
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(5.567.500.002)	-	(5.567.500.002)
Số dư cuối năm		38.983.167.403	21.965.870.602	22.511.223.584	2.066.654.173	85.526.915.762
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		19.560.936.956	16.199.478.829	13.971.521.519	1.846.654.958	51.578.592.262
- Khấu hao trong năm		1.385.129.982	234.759.159	2.134.039.344	66.502.949	3.820.431.434
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		-	4.794.096.241	5.567.500.002	-	10.361.596.243
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(5.567.500.002)	-	(5.567.500.002)
Số dư cuối năm		20.946.066.938	21.228.334.229	16.105.560.863	1.913.157.907	60.193.119.937
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		19.422.230.447	928.895.532	8.539.702.065	95.999.215	28.986.827.259
2. Tại ngày cuối năm		18.037.100.465	737.536.373	6.405.662.721	153.496.266	25.333.795.825

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 23.808.601.596 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 37.523.946.941 đồng và 17.952.298.741 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.794.096.241</i>	<i>39.075.681.821</i>	<i>43.869.778.062</i>
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.794.096.241)	(5.567.500.002)	(10.361.596.243)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>33.508.181.819</i>	<i>33.508.181.819</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.794.096.241</i>	<i>25.272.106.324</i>	<i>30.066.202.565</i>
- Khấu hao trong năm	-	6.701.636.472	6.701.636.472
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.794.096.241)	(5.567.500.002)	(10.361.596.243)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>26.406.242.794</i>	<i>26.406.242.794</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>13.803.575.497</i>	<i>13.803.575.497</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>7.101.939.025</i>	<i>7.101.939.025</i>

Tài sản cố định thuê tài chính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.794.096.241 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>889.109.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>889.263.337.543</i>
- Tăng khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>889.109.097.613</i>	<i>154.239.930</i>	<i>889.263.337.543</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>440.487.131</i>	<i>154.239.930</i>	<i>594.727.061</i>
- Khấu hao trong năm	29.091.060	-	29.091.060
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>469.578.191</i>	<i>154.239.930</i>	<i>623.818.121</i>
III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>888.668.610.482</i>	<i>-</i>	<i>888.668.610.482</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>888.639.519.422</i>	<i>-</i>	<i>888.639.519.422</i>

Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 154.239.930 đồng.

(*) Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại số 206, 208 đường Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nhận vốn góp từ ông Mẫn Ngọc Anh với số tiền 887.800.000.000 đồng xác định theo Biên bản định giá tài sản góp vốn ngày 20/01/2022 giữa Công ty và bên góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	34.248.178.718	-	-	34.248.178.718
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	12.948.178.718	-	-	12.948.178.718
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.753.851.650	237.319.560	-	1.991.171.210
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.753.851.650	237.319.560	-	1.991.171.210
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	32.494.327.068	-	237.319.560	32.257.007.508
- Quyền sử dụng đất	21.300.000.000	-	-	21.300.000.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.194.327.068	-	237.319.560	10.957.007.508
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	920.361.015	842.097.098
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	855.699.899	710.980.843
- Chi phí bảo hiểm	60.459.372	106.903.993
- Các khoản chi phí khác	4.201.744	24.212.262
b. Dài hạn	2.441.938.457	3.329.850.989
- Chi phí thuê đất	347.338.340	359.789.794
- Chi phí sửa chữa tài sản	423.647.656	992.871.411
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	712.032.536	1.018.269.859
- Chi phí khác	958.919.925	958.919.925
Cộng	3.362.299.472	4.171.948.087

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	a. Vay ngắn hạn	771.002.161.354	771.002.161.354	924.433.759.178	811.894.148.590	883.541.771.942	
- <i>Vay ngân hàng</i>	572.152.141.871	572.152.141.871	625.343.203.523	653.454.647.303	544.040.698.091	544.040.698.091	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Bắc Ninh ^(a)	199.423.804.863	199.423.804.863	128.254.159.802	228.175.078.033	99.502.886.632	99.502.886.632	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD 1 ^(b)	172.159.849.458	172.159.849.458	183.743.579.657	186.955.175.967	168.948.253.148	168.948.253.148	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Kinh Bắc ^(c)	200.568.487.550	200.568.487.550	313.345.464.064	238.324.393.303	275.589.558.311	275.589.558.311	
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	107.420.394.953	-	107.420.394.953	107.420.394.953	
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông ^(d)	-	-	55.420.394.953	-	55.420.394.953	55.420.394.953	
- Bà Hoàng Thị Thanh Huyền ^(e)	-	-	52.000.000.000	-	52.000.000.000	52.000.000.000	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	192.952.579.475	192.952.579.475	185.772.720.694	152.542.061.279	226.183.238.890	226.183.238.890	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN SGD 1 ^(f)	14.000.000.000	14.000.000.000	16.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội – CN SGD 3	882.300.000	882.300.000	-	882.300.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Vạn Phúc ^(g)	12.000.000.000	12.000.000.000	66.049.759.144	12.000.000.000	66.049.759.144	66.049.759.144	
+ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ^(h)	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – CN Kinh Bắc ⁽ⁱ⁾	91.990.279.471	91.990.279.471	76.342.961.546	55.579.761.275	112.753.479.742	112.753.479.742	
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I ^(j)	72.800.000.000	72.800.000.000	26.100.000.000	72.800.000.000	26.100.000.000	26.100.000.000	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(k)	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	560.000.004	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam ^(k)	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	5.897.440.008	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.730.191.068.967	1.730.191.068.967	367.488.204.425	185.191.499.628	1.912.487.773.764	1.912.487.773.764	
b.1. Vay dài hạn	1.723.449.908.998	1.723.449.908.998	367.488.204.425	179.294.059.620	1.911.644.053.803	1.911.644.053.803	
- Vay ngân hàng	1.723.449.908.998	1.723.449.908.998	367.488.204.425	179.294.059.620	1.911.644.053.803	1.911.644.053.803	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 (VND) ^(l)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	16.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 3	25.950.000	25.950.000	-	25.950.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Kinh Bắc ⁽ⁱ⁾	666.006.335.038	666.006.335.038	47.348.425.467	69.838.350.472	643.516.410.033	643.516.410.033	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội ^(j)	1.213.333.322	1.213.333.322	-	560.000.004	653.333.318	653.333.318	
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN SGD 1 ^(l)	200.268.000.000	200.268.000.000	35.800.000.000	26.100.000.000	209.968.000.000	209.968.000.000	
+ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ^(h)	3.280.886.723	3.280.886.723	-	720.000.000	2.560.886.723	2.560.886.723	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc ^(e)	832.655.403.915	832.655.403.915	284.339.778.958	66.049.759.144	1.050.945.423.729	1.050.945.423.729	
b.2. Nợ thuê tài chính	6.741.159.969	6.741.159.969	-	5.897.440.008	843.719.961	843.719.961	
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam ^(k)	6.741.159.969	6.741.159.969	-	5.897.440.008	843.719.961	843.719.961	
Cộng	2.501.193.230.321	2.501.193.230.321	1.291.921.963.603	997.085.648.218	2.796.029.545.706	2.796.029.545.706	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trưng Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2600-LAV-202300178 ngày 22/3/2023 với hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh máy biến áp, dây cáp điện năm 2021 – 2022. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22/3/2024. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Nhà điều hành, nhà kho, nhà xưởng, hệ thống cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ, gắn liền với đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S608948 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka và Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên thứ 3.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/175407/HĐTD ngày 13/9/2022 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng kèm theo với hạn mức tín dụng từ 350 tỷ đồng đến 380 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 13/9/2023.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Kinh Bắc theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 11/2022/HĐHM/SHB.112100 ngày 29/7/2022 với tổng hạn mức tín dụng 500.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động thực hiện sản xuất kinh doanh dây và cáp điện trung, hạ thế và cao thế, hoạt động sản xuất máy biến áp. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai Dự án đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án Đầu tư xây dựng Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; 212 quyền sử dụng đất và 35 quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng đường ĐT 277 từ thị xã Từ Sơn đi thị trấn Chờ.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông theo Hợp đồng mượn tiền số 1701/HNK-BDSHK ngày 17 tháng 01 năm 2023 để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất sẽ được thỏa thuận tại ngày hết hiệu lực hợp đồng. Thời hạn vay kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023 đến khi thanh toán hết công nợ.
- (e) Khoản vay ngắn hạn bà Hoàng Thị Thanh Huyền theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/8/2022 để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Số tiền vay ban đầu là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng trong năm là 13%/năm, lãi vay được thanh toán một lần khi tất toán khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/175407/HDDA ngày 28 tháng 3 năm 2017 với hạn mức tín dụng 180.000.000.000 đồng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án: Tổ hợp Khách sạn – Văn phòng-Trung tâm Thương mại Hồng Kông Thời hạn vay 07 năm. Các khoản vay được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận trả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác kinh doanh dự án của bên vay thuộc dự án.
- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Vạn phúc theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Vạn Phúc theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 443/2021/HĐTDDH-PN/SHB.111600 ngày 11 tháng 11 năm 2021 với hạn mức tín dụng 2.100.000.000.000 đồng để cho vay và phát hành bảo lãnh thanh toán để tài trợ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình II, Bắc Ninh bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chi phí lãi vay trong vòng 24 tháng đầu tiên của khoản vay. Thời hạn vay là 78 tháng, lãi suất được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ việc triển khai dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Gia Bình II, tỉnh Bắc Ninh và quyền sử dụng đất các lô đất chưa bán của Dự án Khu đô thị Hanaka thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka.

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 394/2020/HỆTDTDH-PN/SHB.111600 ngày 28 tháng 10 năm 2020 với số tiền vay là 60.000.000.000 đồng để tài trợ bù đắp một phần chi phí đã đầu tư, thanh toán công nợ nhà thầu và các chi phí xây dựng hoàn thiện Khách sạn Hanaka tại số 208 Đội Cấn, Ba Đình, TP. Hà Nội. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản là các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1781/2020 và 1782/2020 ngày 28/10/2020 và toàn bộ công trình trên đất hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 342/2020/HỆTCTC-PN/SHB.111600 ngày 28/10/2020.

(h) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 06-19/TDĐT-QMT/HANAKA ngày 18 tháng 9 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số 01/06-19/TDĐT-QMT/HANAKA ngày 18 tháng 9 năm 2019. Khoản vay dùng để thực hiện dự án “Trạm xử lý nước thải KCN Hanaka 500m3/ngày.đêm”. Hạn mức cho vay là 7.700.000.000 đồng. Thời gian vay là 07 năm. Lãi suất cho vay là 2,6%/năm.

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Kinh Bắc theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 17/2020/HỆTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020 với số tiền vay là 714.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng dự án khu đô thị để tạo vốn đối ứng thanh toán cho dự án đầu tư xây dựng đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (đoạn qua huyện Yên Phong, Km 0+00 đến Km 3+680) theo hình thức BT – (Khu đô thị Hanaka Paris Từ Sơn). Thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản theo Hợp đồng thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở số 01/2018/HỆTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 ; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 92/2020/HỆTCTC-HB/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 127/2020/HỆTCTC-HB/SHB.112100 ngày 25 tháng 12 năm 2020.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 31/2019/HỆTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền vay là 365.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng trung tâm thương mại Hồng Kông, khách sạn, căn hộ để bán và căn hộ thuê thời hạn vay 05 năm, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HỆTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2018/HỆTDTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 383.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng thanh toán cho Dự án ĐTXD Đường TL277 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Đoạn qua huyện Yên Phong, Km 0+00 đến Km 3+680) theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (Dự án Khu đô thị Hanaka 20 ha – phần công trình kiến trúc) tại phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thời hạn vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HỆTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 02/2018/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng 216.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng đường TL277 đoạn đầu tuyến từ Km 0+00 đến Km 3+680 từ thị xã Từ Sơn đến thị trấn Chờ, huyện Yên Phong theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao (phần điều chỉnh bổ sung 2 tuyến nhánh). Thời hạn vay 66 tháng. Lãi suất vay trong hạn cho 03 tháng đầu tiên là 12,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng Dự án Khu đô thị Hanaka để tạo vốn đối ứng cho Dự án ĐTXD Đường TL277 theo hợp đồng thế chấp dự án đầu tư số 01/2018/HĐTCTL-PN/SHB.112100 ngày 12 tháng 02 năm 2018.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 09/2017/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 05 tháng 9 năm 2017 với hạn mức tín dụng 220.000.000.000 đồng để cho vay và phát hành bảo lãnh nhằm đầu tư xây dựng Dự án Cụm công nghiệp làng nghề Mấn Xá – Văn Môn, huyện Yên Phong. Thời hạn cho vay là 66 tháng, lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ quyền tài sản hiện tại, hình thành trong tương lai thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề Mấn Xá – Văn Môn, huyện Yên Phong.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 25/2021/HĐTĐTDH-PN/SHB.112100 ngày 29 tháng 10 năm 2021 với hạn mức tín dụng 400.563.000.000 đồng để đầu tư “Dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao BT”. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền tài sản và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở 3,6ha và 26,1ha tại xã Văn Môn, huyện Yên Phong, để tạo vốn đối ứng thanh toán cho “Dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao, trường tiểu học và các tuyến đường xã Văn Môn, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao BT”.
- (j) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700140873 ngày 07 tháng 5 năm 2020. Hạn mức vay 2.800.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí mua xe ô tô Toyota Land Cruiser (200 series). Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất bán cố định.
- (k) Khoản nợ thuế tài chính tại Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2019-00002-000, giá mua là 26.420.000.000 đồng, thời hạn thuê là 60 tháng, lãi suất thuê 9,4%/năm và Hợp đồng thuê tài chính số 2019-00003-000 ngày 31 tháng 01 năm 2019, giá mua là 10.439.000.000 đồng, thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê 9,4%/năm.
- (l) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD 1 theo hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 12 tháng 02 năm 2015 để đầu tư các hạng mục thiết bị của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy biến áp truyền tải 220-500KV công suất đến 450 MVA. Lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 9,6%/năm và Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số: 09/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 18 tháng 06 năm 2020 sửa đổi mức trả nợ gốc tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 12/02/2015 đối với số dư nợ còn lại theo HĐTĐ đến ngày 01/01/2020 là 331.748.000.000 đồng cụ thể như sau: thời hạn trả nợ gốc tối đa: 72 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: quý 1/2020, kỳ hạn trả nợ: theo quý. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay trên, tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Sumitomo Corporation Asia & Oceania Pte. Ltd	273.539.958.532	273.539.958.532	210.142.278.384	210.142.278.384
- Công ty TNHH Xây dựng Đường 277 - Yên Phong	3.767.916.743	3.767.916.743	31.987.912.259	31.987.912.259
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay TE BE A SVN	163.687.930.879	163.687.930.879	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea	-	-	65.287.280.437	65.287.280.437
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	106.084.110.910	106.084.110.910	112.867.085.688	112.867.085.688
b. Phải trả người bán dài hạn				
- Công ty TNHH Rexam A.B.M	5.896.920.674	5.896.920.674	5.896.920.674	5.896.920.674
Cộng	279.436.879.206	279.436.879.206	216.039.199.058	216.039.199.058

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Phải trả người bán là các bên liên quan ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay TE BE A SVN	167.455.847.622	167.455.847.622	65.287.280.437	65.287.280.437
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	163.687.930.879	163.687.930.879	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea	3.767.916.743	3.767.916.743	-	-
Cộng	167.455.847.622	167.455.847.622	65.287.280.437	65.287.280.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.551.073.855	50.409.166.615
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	58.002.863.762	-
- Ban Quản lý Dự án các Công trình điện miền Trung	5.591.848.756	6.678.529.078
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn cho các khách hàng khác	24.956.361.337	43.730.637.537
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	265.076.943.378	-
- Người mua trả tiền trước dự án cụm công nghiệp làng nghề Mãn Xá	265.076.943.378	-
Cộng	353.628.017.233	50.409.166.615

c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	58.002.863.762	-
Cộng	58.002.863.762	-

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	7.201.685	-	-	-	7.201.685
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	10.531.060.800	10.531.060.800	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.061.601	-	-	-	2.061.601	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	484.387.553	484.387.553	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.503.534.121	1.363.430.175	2.082.001.241	1.363.430.175	1.503.534.121	2.082.001.241
- Thuế thu nhập cá nhân	-	54.712.985	482.766.152	432.237.971	-	105.241.166
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	42.974.518.608	43.452.365.182	477.846.574	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	206.397.778	4.000.000	4.000.000	-	206.397.778
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	856.629.638	856.629.638	-	-
Cộng	1.505.595.722	1.631.742.623	57.415.363.992	57.124.111.319	1.983.442.296	2.400.841.870

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	16.417.803.351	34.020.606.370
- Chi phí lãi vay	11.844.064.664	33.359.064.863
- Trích trước chi phí xây dựng dự án KCN Tam Phước	4.130.236.598	-
- Các khoản trích trước khác	443.502.089	661.541.507
b. Dài hạn	111.909.016.678	-
- Chi phí lãi vay dự án 277	1.939.094.388	-
- Chi phí lãi vay dự án BT Văn Môn	22.394.484.718	-
- Chi phí bảo trì cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	64.528.418.880	-
- Chi phí lắp đặt trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	15.033.312.810	-
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá	8.013.705.882	-
Cộng	128.326.820.029	34.020.606.370

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	107.249.173.752	19.855.527.636
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.927.941.213	1.927.941.213
- Kinh phí công đoàn	223.399.988	210.905.991
- Bảo hiểm xã hội	139.886.809	151.279.479
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	15.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.942.945.742	17.550.400.953
+ Phải trả về cổ tức	995.949.400	1.003.878.100
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	79.601.472.786	-
+ Các đối tượng khác	24.345.523.556	16.546.522.853
b. Dài hạn	6.020.000.000	385.859.517.462
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.020.000.000	6.020.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	379.839.517.462
+ Đặt cọc mua bất động sản	-	379.839.517.462
Cộng	113.269.173.752	405.715.045.098

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dài hạn	-	92.908.019.086
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê đất	-	92.908.019.086
Cộng	-	92.908.019.086

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.599.000.000.000	45.078.502.890	2.644.078.502.890
Tăng vốn trong năm trước	2.087.800.000.000	-	2.087.800.000.000
Lãi trong năm trước	-	23.181.291.982	23.181.291.982
Số dư cuối năm trước	4.686.800.000.000	68.259.794.872	4.755.059.794.872
Số dư đầu năm nay	4.686.800.000.000	68.259.794.872	4.755.059.794.872
Lãi trong năm nay	-	69.608.932.241	69.608.932.241
Số dư cuối năm nay	4.686.800.000.000	137.868.727.113	4.824.668.727.113

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Công ty TNHH Hồng Ngọc	1.815.442.680.000	38,74	1.815.442.680.000	38,74
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	1.897.438.940.000	40,48	1.897.438.940.000	40,48
+ Công ty Tân Hồng Ngọc (TNHH)	600.000.000.000	12,80	600.000.000.000	12,80
+ Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	148.819.000.000	3,18	148.819.000.000	3,18
+ Các đối tượng khác	225.099.380.000	4,80	225.099.380.000	4,80
Cộng	4.686.800.000.000	100	4.686.800.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	4.686.800.000.000	2.599.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.087.800.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	4.686.800.000.000	4.686.800.000.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	468.680.000	468.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	468.680.000	468.680.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	468.680.000	468.680.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	468.680.000	468.680.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	468.680.000	468.680.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.101.735.547.761	1.057.721.437.119
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.833.254.532	26.606.471.603
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	301.517.968.265	217.595.945.074
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	53.577.973.880
Cộng	1.430.086.770.558	1.355.501.827.676

Ngoài doanh thu với các bên liên quan của Công ty được thuyết minh tại mục V.02, Công ty còn doanh thu với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	96.283.603.991	14.777.430.355
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay TE BE A SVN	145.784.480.884	109.416.890.902
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka-Korea	310.465.043.106	350.136.877.994
02. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.057.294.067.938	1.003.153.811.051
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.166.738.739	13.090.675.339
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	137.664.757.295	189.301.549.616
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	53.577.973.880
Cộng	<u>1.208.125.563.972</u>	<u>1.259.124.009.886</u>
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	29.584.282	34.030.773
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.328.000	28.391.268.817
- Lãi chênh lệch tỷ giá	326.272.815	386.115.364
Cộng	<u>389.185.097</u>	<u>28.811.414.954</u>
04. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	64.345.800.061	36.297.589.050
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.375.242.371	183.657.195
Cộng	<u>69.721.042.432</u>	<u>36.481.246.245</u>
05. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản khác	1.740.580.471	19.057.629
Cộng	<u>1.740.580.471</u>	<u>19.057.629</u>
06. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	541.425.248	-
- Các khoản bị phạt chậm nộp và vi phạm hành chính	966.740.765	938.519.573
- Các khoản khác	35.813.448	8.586
Cộng	<u>1.543.979.461</u>	<u>938.528.159</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	33.112.930.876	31.976.708.199
- Chi phí nhân viên quản lý	8.726.305.547	6.491.467.116
- Chi phí vật liệu quản lý	931.382.986	789.136.261
- Chi phí đồ dùng văn phòng	199.411.115	117.882.208
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.545.492.658	3.269.628.637
- Thuế, phí và lệ phí	4.886.635.357	3.215.868.758
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	919.906.739	1.148.623.894
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.903.796.474	16.944.101.325
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	21.305.867.239	23.659.986.943
- Chi phí nhân viên	-	719.750.681
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.254.181	62.466.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.123.092.187	19.446.183.714
- Các khoản chi phí bán hàng khác	15.180.520.871	3.431.585.893
Cộng	54.418.798.115	55.636.695.142

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.082.001.241	929.210.780
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(1.327.737.235)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.082.001.241	(398.526.455)

09. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	26.716.217.664	9.369.055.300
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.716.217.664	9.369.055.300

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.340.757.406	2.225.178.532
- Chi phí nhân công	9.465.985.535	7.211.217.797
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.788.478.526	12.579.345.710
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.617.482.176	260.995.591.802
- Chi phí khác bằng tiền	73.621.040.447	227.135.702.184
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	-	848.831.138.501
- Chi phí lãi vay	85.393.509.586	-
Cộng	357.227.253.676	1.358.978.174.526

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn vào đơn vị khác bằng tài sản	76.797.268.382	1.023.010.796
Góp vốn vào đơn vị khác bằng gốc vay và lãi vay	21.741.673.400	26.388.978.877
Góp vốn vào đơn vị khác bằng công nợ trả trước	3.576.756.112	-
Nhận góp vốn bằng tài sản	-	1.687.800.000.000
Lãi vay vốn hóa (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn)	152.724.543.741	120.793.509.016
Lãi vay vốn hóa (Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	5.255.214.337	7.190.724.811

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban điều hành</i>		
+ Phải thu ngắn hạn khác	747.328.000	8.020.086.079
Cộng nợ phải thu	747.328.000	8.020.086.079
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban điều hành</i>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	60.991.774.758	-
Cộng nợ phải trả	60.991.774.758	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.435.348.440	2.073.431.900
Cộng	2.435.348.440	2.073.431.900

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Hồng Ngọc (TNHH)	Cổ đông chiếm 38,74% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
tải 220 - 500KV Hanaka	
- Công ty TNHH Xây dựng đường 277 - Yên Phong	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN	Công ty con
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka Land	Công ty con
- Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Văn Môn	Công ty con
- Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Hanaka	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện - Găng tay TE BE A SVN	Ông Mẫn Ngọc Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay TE BE A SVN
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông	Ông Mẫn Ngọc Hồng Kông - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông là con ruột của Ông Mẫn Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	Ông Mẫn Ngọc Anh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka – Korea

Ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh tại mục V.02 và VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Kông		
+ Bán vật tư	909.090.910	-
+ Thuê thầu phụ	257.198.735.860	10.780.000.000
+ Mua nguyên liệu, vật liệu	-	34.673.304.900
+ Mua vật tư	21.518.700	-
+ Chi phí thuê tài sản	301.000.000	516.000.000
Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea		
+ Mua vật tư	427.223.717.145	313.542.404.272
+ Phí gia công	32.044.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.14 và V.15, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hồng Ngọc (TNHH)		
+ Phải thu khác ngắn hạn	291.460.802.148	-
+ Phải thu khác dài hạn	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện – Găng tay Hanaka SVN		
+ Phải thu khác	189.000.000	-
Cộng nợ phải thu	351.649.802.148	60.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, phường Trang Hạ, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Phượng

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT



Mẫn Ngọc Anh